

Bài 2: Sồi Và Đám Sậy

Thứ Hai: Tập Đọc

Thon thả: *slender*

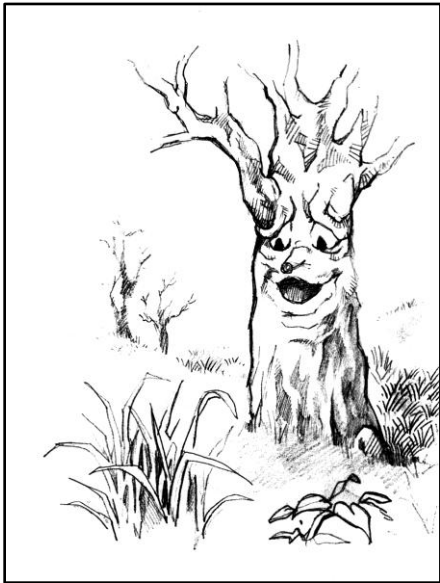
Ngạo nghễ: *proudly*

Thảm thiết: *mournful*

Lăn tăn: *slight ripple*

Phong ba: *stormy*

Chống chọi: *fought against*



Một cây Sồi cổ thụ đứng gần một con suối có vài đám Sậy thon thả mọc. Khi gió thổi, cây Sồi to lớn ngạo nghễ đứng thẳng vươn những nhánh cây của nó lên tận trời cao. Trong lúc đó, những cây Sậy lại rạp mình trong gió và kêu rên thảm thiết buồn bã.

Sồi nói:

- Các người kêu than cũng phải. Chỉ một ngọn gió nhẹ làm mặt nước hơi lăn tăn chút xíu thôi cũng đủ làm cho người phải cúi rạp mình xuống, nhưng ta đây, ta là một cây sồi mạnh mẽ, luôn đứng thẳng vững vàng trước cả những cơn bão táp phong ba dữ dội nhất.





Đám Sậy trả lời:

— *Xin ông đừng lo cho chúng tôi. Gió chẳng làm gì hại nổi chúng tôi đâu. Chúng tôi chỉ rạp mình trước gió để cho khỏi bị gãy mà thôi. Nhưng ông phải coi chừng, rồi cũng có lúc ông sẽ ngã gục.*

Ngay khi đám Sậy vừa nói xong, một cơn bão mạnh từ phương Bắc bỗng nổi lên. Sồi đứng thẳng kiêu hãnh chống chọi với sức gió. Trong lúc đó, đám Sậy lại rạp mình xuống đất.

Gió thổi tới tấp, và cuối cùng Sồi không còn chịu nổi nữa ngã vật ra, rễ bật lên, và đổ nhào xuống đám Sậy tội nghiệp.



Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Khi gió thổi, cây Sồi như thế nào?

2. Khi gió thổi, đám Sậy như thế nào?

3. Sau cơn bão, chuyện gì đã xảy ra với Sồi?

Ngữ Vựng

(Giúp các em chọn nghĩa thích hợp những từ sau.)

- _____ 1. Một cây Sồi cổ thụ đứng gần một con suối có vài đám Sậy **thon thả** mọc. Từ “**thon thả**” có nghĩa là:
- a. Mỏng giòn, dễ gãy. b. Nhỏ gọn, mềm mại. c. To lớn, cứng cáp.
- _____ 2. Trong lúc đó, những cây Sậy lại rạp mình trong gió và **kêu rên** thảm thiết buồn bã. Từ “**kêu rên**” có nghĩa là:
- a. Gọi người khác. b. Nói nhỏ nhẹ. c. Than van.
- _____ 3. Chỉ một ngọn gió nhẹ làm mặt nước hơi **lăn tăn** chút xíu thôi cũng đủ làm cho người phải cúi rạp mình xuống. Từ “**lăn tăn**” có nghĩa là:
- a. Mặt nước hơi gọn. b. Phẳng lặng, êm ả. c. Xáo động dữ dội.
- _____ 4. ...ta là một cây sồi mạnh mẽ, luôn đứng thẳng vững vàng trước cả những cơn bão táp **phong ba** dữ dội... Từ “**phong ba**” có nghĩa là:
- a. Có gió lớn. b. Có mưa đá. c. Có tuyết rơi.
- _____ 5. Sồi đứng thẳng kiêu hãnh **chông chọi** với sức gió. Từ “**chông chọi**” có nghĩa là:
- a. Bị bật rễ. b. Cố gắng để khỏi bị đổ. c. Nằm rạp xuống.
- _____ 6. Gió thổi **tối tấp**, và cuối cùng Sồi không còn chịu nổi nữa ngã vật ra... Từ “**tối tấp**” có nghĩa là:
- a. Nhẹ nhàng. b. Liên tục, dôn dập. c. Xoáy mạnh.

Thứ Ba: Thêm Dấu

(Đọc các câu ở trang P-2 phần Phụ Lục của sách học cho các em thêm dấu.)



*Trong lúc đó, những cây
Say lại rạp mình trong gió
và kêu rên thảm thiết buồn
bã.*



*Chỉ một ngọn gió nhẹ làm
mát nước hơi lan tan chút
xiu thôi cũng đủ làm cho
người phải cúi rạp mình
xuống.*



*Chúng tôi chỉ rạp mình
trước gió để khỏi bị gãy mà
thôi.*



*Ngay khi đêm Say vừa nói
xong, một cơn bão mạnh từ
phương Bắc bỗng nổi lên.*

Thứ Tư: Chính Tả

(Đọc các câu ở trang P-2 phần Phụ Lục của sách học cho các em viết chính tả.)





Sửa Lỗi Chính Tả

(Đọc các câu ở trang P-2 phần Phụ Lục của sách học cho các em sửa lỗi chính tả . Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)

Khi gió thổi, cái Sồi to lớn ngạo ngễ đứng thẳng vươn những nhánh cây của nó lên tận trời cao. (3 lỗi)



Nhưn ông phải coi chừng, rồi cùng có lúc ông sẽ ngã gục. (3 lỗi)

Tron lúc đó, đám Sậy lay rập mình suồng đất. (3 lỗi)



Thứ Năm: Văn Phạm – Thẻ Của Động Từ

(Cho các em đổi những câu sau có động từ đang ở thể thụ động sang câu có động từ ở thể tác động.)

1. Bố được mẹ tặng một chiếc đồng hồ.

2. Anh Thuận bị cảnh sát phạt vì chạy quá tốc độ.

3. Hiền được mẹ chở đi chợ mua quần áo.

4. Hôm qua, Thiện bị con chó rượt tới đầu đường.

5. Chiếc áo mới của Khang bị Vũ làm dơ.

Văn Phạm – Thì Của Động Từ

(Hãy đổi những câu dưới đây để chỉ các thì sau:)

1. Chú Quốc dẫn bé Nam đi sở thú.

Thì quá khứ: _____

Thì quá khứ rất gần: _____

Thì tương lai: _____

Thì tương lai rất gần: _____

2. Mẹ mua một chậu hoa lan trắng để biếu bà.

Thì quá khứ: _____

Thì quá khứ rất gần: _____

Thì tương lai: _____

Thì tương lai rất gần: _____

3. Bố mang xe qua nhờ chú Thu sửa.

Thì quá khứ: _____

Thì quá khứ rất gần: _____

Thì tương lai: _____

Thì tương lai rất gần: _____

Thứ Sáu: Đàm Thoại

(Giúp các em với cuộc đối thoại sau đây.)

Mượn:	<i>borrow, loan</i>	Xài:	<i>spent</i>
Tiền tiêu vặt:	<i>allowance</i>	Khá giả:	<i>well-off</i>

Nhân túng tiền. Anh ta muốn mượn chút tiền của Phương, nhưng rồi biết được Phương cũng nghèo...

Nhân: Anh cho tớ mượn đỡ chút tiền được không?
Can you loan me some money?

Phương: Xin lỗi. Tớ đã xài sạch số tiền tiêu vặt của tuần này rồi.
Sorry. I've already spent all my allowance for the week.

Nhân: Anh xài hết tiền cũng nhanh thế? Tớ cứ tưởng anh được khá giả.
You've spent all you money so quickly? I thought you were well-off.

Phương: Đâu có! Anh biết tớ lúc nào cũng tiền khô cháy túi.
No way! You know money always burns a hole in my pocket.



Chuyển Ngữ

(Cho các em dịch những câu sau qua tiếng Việt.)

How much:	<i>bao nhiêu</i>	Need:	<i>cần</i>
Gave:	<i>cho</i>	Still:	<i>vẫn</i>

How much money do you need?

I've already spent the money dad gave me.

I thought you still have money.

Chữ Ký Phụ Huynh: _____ **Ngày** _____

